CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 016/EBHD/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH EB HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Km 54+100, quốc lộ 5, khu 3, phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0320 3839 999

Mã số doanh nghiệp: 0800926914

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BÁNH TRUNG THU THAN TRE NHÂN CAFE**
2. Thành phần:

Nhân bánh: đậu xanh, đường cát, dầu thực vật, bột cà phê, bột mì, bột nếp, mạch nha, hương liệu tổng hợp (cà phê, vani), chất bảo quản 202.

Vỏ bánh: bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, bột than tre, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó: bột cà phê 3,4%; bột than tre 1,1%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 10 ngày kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 200 g, 400 g (2 cái x 200 g), 800 g (4 cái x 200 g) hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
   - Chất liệu bao bì:
     - Khối lượng tịnh 200 g: Sản phẩm để vào khay nhựa được đóng gói trong túi nhựa, chứa trong hộp giấy nhỏ.
     - Khối lượng tịnh 400 g (2 cái x 200 g): Sản phẩm để vào khay nhựa được đóng gói trong túi nhựa, chứa trong hộp giấy nhỏ, bên ngoài là hộp giấy trung.
     - Khối lượng tịnh 800 g (4 cái x 200 g): Sản phẩm để vào khay nhựa được đóng gói trong túi nhựa, chứa trong hộp giấy nhỏ, bên ngoài là hộp giấy lớn.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Mã số	Tên	Địa chỉ	Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP
117	Công Ty TNHH EB Hải Dương	Km 54+100, quốc lộ 5, khu 3, phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	367/GCNATTP-SCT, Cấp ngày 08/03/2023 tại Tỉnh Hải Dương

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm nội dung nhãn dự thảo (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị địnhvề Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm**: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4,0
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0
4	Deoxynivalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

2. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

3. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*E.coli*	MPN/g	3
4	*S. aureus*	CFU/g	10
5	*Cl.perfringens*	CFU/g	10
6	*B.cereus*	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Ngày 19 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH EB HẢI DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Sen

ĐÍNH KÈM :

NỘI DUNG NHÃN DỰ THẢO

BÁNH TRUNG THU THAN TRE CÀ PHÊ

Thành phần:

Nhân bánh: đậu xanh, đường cát, dầu thực vật, bột cà phê, bột mì, bột nếp, mạch nha, hương liệu tổng hợp (cà phê, vani), chất bảo quản 202.

Vỏ bánh: bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, bột than tre, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó: bột cà phê 3,4%; bột than tre 1,1%.

Khối lượng tịnh:

Dùng ngay sau khi mở bao bì. Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

Hạn sử dụng:

Ngày sản xuất:

Thông tin dinh dưỡng. Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Giá trị năng lượng 345 kcal (17%); Chất đạm 6,3 g (9%); Carbohydrate 64,3 g (21%); Đường tổng số 33,4 g (67%); Chất béo 7 g (12%); Chất béo bão hoà 2,1 g (11%); Natri 644 mg (32%).

Kích cỡ một phần ăn: 50 g

Cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Sản xuất tại: Công Ty TNHH EB Hải Dương - Km 54+100, quốc lộ 5, khu 3, phường NhịChâu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Số tự công bố: 016/EBHD/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00070921
Mã số kết quả : AR-23-VD-074723-01 / EUVNHC-00218246

CÔNG TY TNHH EB HẢI DƯƠNG
Km 54+100, quốc lộ 5, khu 3, phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương
tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Tên mẫu :	BÁNH TRUNG THU THAN TRE NHÂN CAFE
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	09/06/2023
Thời gian thử nghiệm :	10/06/2023 - 16/06/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	15/06/2023
Mã số PO của khách hàng :	NA9J2306091041
Mã số mẫu Eol :	005-32410-212775

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) *Clostridium perfringens*	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD340 VD (a) *Coliforms*	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD354 VD (a) *Escherichia coli*	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=0)
4	VD373 VD (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD398 VD (a) *Bacillus cereus*	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	$2.7x10^2$
7	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD129 VD (a) Carbohydrates	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5237 (FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2, section 2.3:2003)	64.3
9	VD165 VD (a) Béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	6.97
10	VD263 VD (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	6.28
11	VD304 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	33.4
12	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	345
13	VD0BN VD (a) Acid béo bão hòa	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	2.10
14	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500	64.4
15	VD30A VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	476
16	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD861 VD (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.017)**
18	VD063 VD (a) **Ochratoxin A**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
19	VD066 VD (a) **Zearalenon**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010)	**Không phát hiện (LOD=5)**
20	VD821 VD (a) **Aflatoxin B1**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
21	VD821 VD (a) **Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
22	VD1LA VD (a) **Deoxynivalenol**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5626 (Ref. BS EN 15791:2009)	**Không phát hiện (LOD=100)**

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 11/07/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/07/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.